

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-4-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1162/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1971; trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K; tạm trú: Khu phố X, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quyết L, sinh năm 1965; trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K; tạm trú: Khu phố X, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Quyết L chung sống với nhau từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, ông L thường xuyên uống rượu rồi hành hung bà T, chửi bới, đe dọa đến tính mạng của bà T. Hiện bà T và ông L không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà T và ông L đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay Bà T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian mâu thuẫn đã kéo dài quá lâu nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quyết L.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông L có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 19/02/1991 và Nguyễn Đình V, sinh ngày 14/11/1995. Hiện các con đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Quyết L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên ông L không chấp hành theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Ông L cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát:

#### 1. Về tố tụng:

Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của Thẩm phán được thực hiện đúng theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Quyết L về việc tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Quyết L có địa chỉ cư trú tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Quyết L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Quyết L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngày 14/12/2020 bà T có đơn xin ly hôn với ông L, tại thời điểm yêu cầu ly hôn thì Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực. Do đó cần áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 làm căn cứ xem xét, giải quyết yêu cầu của bà T.

Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”. Hội đồng xét xử xét thấy ông L, bà T sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ cuối năm 2020 đã không còn chung sống, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, tuyên bố không công nhận bà Trần Thị T và ông Nguyễn Quyết L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 19/02/1991 và Nguyễn Đình V, sinh ngày 14/11/1995 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nghĩa vụ tài sản: Không có.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T, về việc tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Quyết L.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị T và ông Nguyễn Quyết L là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Khang, sinh ngày 19/02/1991 và Nguyễn Đình Văn, sinh ngày 14/11/1995. Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nghĩa vụ tài sản: Không có.

5. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0054172 quyền số AA/2016 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát. Bà T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Nga**